

Số: **33/2021/QĐST-HNGĐ**

*Bình Sơn, ngày 25 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: *“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng”*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988.
- Anh Phạm L, sinh năm 1986.

Đều cư trú tại: thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 83/2015, ngày 12/6/2015. Quá trình sống chung, giữa chị N và L xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, việc Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L xác định giữa vợ chồng có hai con chung, gồm: cháu Phạm Bân A, sinh ngày 11/4/2016 và cháu

Phạm Hoàng B, sinh ngày 12/5/2018, hiện chị N đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy việc Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L thỏa thuận việc giao nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L thỏa thuận về việc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/01 con chung (một triệu, năm trăm nghìn đồng). Xét thấy việc thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa chị N và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bân A, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Phạm Hoàng B, sinh ngày 12/5/2018 cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

*Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.*

1.3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Bân A và cháu Phạm Hoàng B; mức cấp dưỡng định kỳ mỗi tháng cho cháu Phạm Bân A là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) và cho cháu Phạm Hoàng B là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 25/3/2021 cho đến khi các cháu Phạm Bân A và Phạm Hoàng B đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N là người đại diện cho con chưa thành niên yêu cầu Anh Phạm L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Nguyễn Thị N và Anh Phạm L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003483 ngày 15/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, CCTHADS huyện S;
- UBND xã Bình Châu, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (đăng ký kết hôn số 83, ngày 12/6/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Đoàn Kiều Trung**